

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DSST

Ngày: 22/11/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**
Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 110/2021/TLST - DS ngày 08/6/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-DS ngày 15/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-DS ngày 03/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Đ**

Địa chỉ: 130 P, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Hồng H** - Nhân viên phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng Đ (theo quyết định ủy quyền số: 154/QĐ-DAB ngày 15/12/2020). Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá Q**, sinh năm 1985 và bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày: Ngày 25/4/2019, ông **Nguyễn Bá Q** và bà **Ngô Thị L** ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N.0313/119 để vay của Ngân hàng Đ số tiền 700.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đầu tư nông nghiệp; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 10,5%/năm, lãi quá hạn 15,75%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo khoản nợ vay này, bị đơn đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHĐ, ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018. Theo đó tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 104 tờ bản đồ 9; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546950 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/7/2015 cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Xuân V đến ngày 27/7/2015 chuyển nhượng cho ông Cao X và bà Phạm Thị V, sau đó đến ngày 17/6/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 91 tờ bản đồ 9; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 456823 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/6/2011 cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

Sau khi vay, tính đến ngày 15/12/2020 bị đơn mới trả được số tiền lãi trong hạn là 36.900.000 đồng và không tiếp tục trả gốc, trả lãi nữa. Do bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng Đ số tiền 910.583.562 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 37.204.110 đồng và số tiền lãi quá hạn là 173.379.452 đồng.

Trường bị đơn không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHD ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018 để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Quân và bà Loan phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 910.583.562 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 37.204.110 đồng và số tiền lãi quá hạn là 173.379.452 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L. Tuy nhiên, bị đơn không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 25/4/2019, ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N.0313/119 để vay của Ngân hàng Đ số tiền 700.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đầu tư nông nghiệp; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 10,5%/năm, lãi quá hạn 15,75%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo khoản nợ vay này, bị đơn đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHĐ, ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018. Theo đó tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 104 tờ bản đồ 9; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546950 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/7/2015 cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Xuân V đến ngày 27/7/2015 chuyển nhượng cho ông Cao X và bà Phạm Thị V, sau đó đến ngày 17/6/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 91 tờ bản đồ 9; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 456823 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/6/2011 cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 15/12/2020 bị đơn mới trả được số tiền lãi trong hạn là 36.900.000 đồng và không tiếp tục trả gốc, trả lãi nữa. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng Đ số tiền 910.583.562 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 37.204.110 đồng và số tiền lãi quá hạn là 173.379.452 đồng. Trường hợp bị đơn không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHĐ ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 910.583.562 đồng (Chín trăm mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó: số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 37.204.110 đồng và số tiền lãi quá hạn là 173.379.452 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHD, ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018. Theo đó tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 104 tờ bản đồ 9 (*Nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 52*); địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546950 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/7/2015 cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Xuân V đến ngày 27/7/2015 chuyển nhượng cho ông Cao X và bà Phạm Thị V, sau đó đến ngày 17/6/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 91 tờ bản đồ 9 (*Nay là thửa đất số 11 và 13, tờ bản đồ số 52*); địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 456823 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/6/2011 cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì vậy buộc bị đơn là ông Nguyễn Bá Quang và bà Ngô Thị L phải trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.317.506 đồng (*Ba mươi chín triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm lẻ sáu đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.109.212 đồng (*Mười tám triệu một trăm lẻ chín ngàn hai trăm mười hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000820 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/11/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Hưng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ, ngày 22 tháng 11 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Vào hồi 08 giờ 50 phút ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Thông** và ông **Lê Văn Do**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 110/2021/TLST - DS ngày 08/6/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* Ý kiến Hội thẩm nhân dân 1: Căn cứ vào:

- *Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;*

- *Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.*

- *Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

* Hội thẩm nhân dân 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Nội dung giải quyết:

* Ý kiến Hội thẩm nhân dân 1:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 910.583.562 đồng (*Chín trăm mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*). Trong đó: số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 37.204.110 đồng và số tiền lãi quá hạn là 173.379.452 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N8583/TC17 ngày 16/9/2017 được công chứng ngày 18/9/2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số N8583/TC17-01/2018/PLHĐ, ngày 14/9/2018 được công chứng ngày 14/9/2018. Theo đó tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 104 tờ bản đồ 9 (*Nay là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 52*); địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546950 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/7/2015 cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Xuân V đến ngày 27/7/2015 chuyển nhượng cho ông Cao X và bà Phạm Thị V, sau đó đến ngày 17/6/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 91 tờ bản đồ 9 (*Nay là thửa đất số 11 và 13, tờ bản đồ số 52*); địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 456823 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/6/2011 cho ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì vậy buộc bị đơn là ông Nguyễn Bá Quang và bà Ngô Thị L phải trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Ngô Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.317.506 đồng (*Ba mươi chín triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm lẻ sáu đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.109.212 đồng (*Mười tám triệu một trăm lẻ chín ngàn hai trăm mười hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000820 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Tuyên quyền kháng cáo, tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự cho các đương sự.

* Hội thẩm nhân dân 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đạt 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Do

Lưu Thông

Nguyễn Xuân Hưng